

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/LĐ-ST

Ngày: 23/11/2018

V/v: Tranh chấp bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
và tiền lương.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phước;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Ngọc Thuận – Phó chủ tịch liên đoàn Lao động quận Bình Tân;
2. Bà Võ Thị Tuyết – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Tuyết Mai thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2018/TLST-LĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/2018/QĐST-LĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 354/2018/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: khóm S, phường A, thị xã H, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Phước H, sinh năm: 1985. (Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018).

Địa chỉ: đường L, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH B;

Địa chỉ: đường 2B lô B28/I-B29/I khu công nghiệp V, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật ông Park Kye H, Giám đốc công ty.

Địa chỉ tạm trú: Lô D, P.701 chung cư T, đường Q, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn có ông Hồ Phước H trình bày:

Bà Nguyễn Thị T là người lao động làm việc tại Công ty TNHH B (sau đây viết tắt là Công ty) từ ngày 13/3/2012. Ngày 04/8/2014, bà cùng Công ty TNHH B có ông Park Kye H, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật đã ký kết Hợp đồng lao động số HD1-00123/HĐLĐ. Loại hợp đồng không xác định thời hạn, có hiệu lực từ ngày 04/8/2014.

Hiện nay, Công ty TNHH B đã ngừng hoạt động từ sau kỳ nghỉ tết âm lịch vì người sử dụng lao động không có mặt tại công ty và đã rời Việt Nam bỏ về Hàn Quốc từ ngày 09/02/2018. Công ty chỉ đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho bà T đến hết tháng 5/2017.

Ngoài ra, Công ty còn nợ tiền lương ngừng việc trong tháng 10/2017, tiền lương làm việc những ngày của tháng 02/2018, tiền phép năm và tiền thưởng tháng 13 của năm 2017.

Do người sử dụng lao động còn nợ lương, nhưng không có mặt tại công ty để giải quyết nên bà T đã nộp đơn yêu cầu Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội quận Bình Tân giải quyết. Ngày 17/4/2018, Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội quận Bình Tân tổ chức hòa giải nhưng không thành, nên bà T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B:

1. Yêu cầu Công ty TNHH B phải đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà trong thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 với số tiền tạm tính là 9.108.706 đồng và chốt sổ, trả sổ cho bà.

2. Buộc Công ty TNHH B thanh toán (70%) tiền lương ngừng việc trong tháng 10/2017 cho bà với số tiền là 1.552.815 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH B thanh toán tiền lương tháng 02/2018 tổng cộng 08 ngày lương với số tiền là 2.639.276 đồng (tính đến ngày 02/12/2018 là ngày làm việc cuối cùng).

4. Buộc Công ty TNHH B thanh toán 15 ngày tiền phép năm của năm 2017 với số tiền là 2.430.577 đồng.

5. Buộc Công ty TNHH B thanh toán tiền lương tháng 13 của năm 2017 với số tiền là 4.334.798 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty TNHH B phải thanh toán cho bà là 20.066.172 đồng. Yêu cầu thanh toán làm 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và công khai chứng cứ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày của công ty đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Hồ Phước H là Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu chốt sổ, trả sổ bảo hiểm xã hội và chấp nhận toàn bộ các yêu cầu còn lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương nên đây là tranh chấp về lao động được quy định tại Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự; Do tranh chấp được quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; Bị đơn có trụ sở tại quận Bình Tân nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về điều kiện khởi kiện:* Nguyên đơn khởi kiện có tranh chấp về tiền lương nên đây là tranh chấp thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động ngày 17/4/2018 tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Tân thì nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

- Về sự có mặt của đương sự: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để các đương sự tham gia phiên tòa. Đại diện của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn không có yêu cầu phản tố, cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228; điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ lao động: Hợp đồng lao động số HD1-00123/HĐLĐ ngày 08/4/2014 do người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B là ông Park Kye H ký với người lao động là bà Nguyễn Thị T, nên hợp pháp về mặt hình thức.

- Về nội dung hợp đồng: Theo Hợp đồng lao động số HD1-00123/HĐLĐ ngày 08/4/2014 được giao kết giữa Công ty TNHH B với bà T có nội dung: Loại hợp đồng: không xác định thời hạn; Thời gian làm việc: 08 giờ mỗi ngày; mức lương chính: 3.033.000 đồng/26 ngày công (chưa bao gồm các khoản phụ cấp); hình thức trả lương: trả bằng tiền mặt 01 lần vào ngày 10 tây hàng tháng; Làm việc đủ 01 năm được thưởng 01 tháng lương vào dịp Tết Nguyên đán; Một năm được nghỉ 14 ngày phép. Ngoài ra, hợp đồng còn thỏa thuận thêm các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Bộ luật lao động. Như vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012 thì đây là loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Nội dung của hợp đồng lao động không trái luật nên hợp đồng này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng thì công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động là bà T đến hết tháng 5/2017, từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 công ty còn nợ số tiền là: 7.760.546 đồng. Từ ngày 12/02/2018 đến nay Công ty TNHH B đã ngừng hoạt động, đại diện theo pháp luật của công ty không có mặt tại công ty nên người lao động khởi kiện yêu cầu công ty chốt, trả sổ, truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thanh toán tiền lương, tiền thưởng, tiền phép năm.

Xét yêu cầu về việc truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Công văn số 160/CV-BHXXH ngày 15/8/2018 của Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì công ty mới nộp mới trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN đến hết tháng 05/2017. Căn cứ vào mức lương đóng mà Công ty đã báo cáo với Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân thì số tiền Công ty phải đóng (chưa bao gồm lãi) cho bà Nguyễn Thị T là 9.108.706 đồng. Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì trách nhiệm của người sử dụng lao động là “Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 luật bảo hiểm xã hội và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật bảo hiểm xã hội để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội”. Như vậy, đây là nghĩa vụ bắt buộc của Người sử dụng lao động nhưng Công ty TNHH B đã không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội điều này đã gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Phước H có yêu cầu Công ty chốt sổ và trả sổ cho bà Tiên. Tuy nhiên tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 05/10/2018 ông H rút yêu cầu chốt và trả sổ Bảo hiểm xã hội do bà T đã nhận lại Sổ bảo hiểm xã hội. Xét việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

Xét yêu cầu đòi tiền lương, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Do bị đơn không đến Tòa án cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và những tình tiết, sự kiện rõ ràng

xảy ra trên thực tế mà mọi người đều biết theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

- Đối với yêu cầu đòi tiền lương do Công ty TNHH B tự ý ngưng việc và đồng ý trả cho người lao động 70% tiền lương trong tháng 10/2017 là 1.552.815 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào các bảng tính lương và bảng thanh toán tiền lương của Công ty TNHH B có kế toán xác nhận thì số tiền lương do công ty ngưng việc và thỏa thuận trả 70% lương cho người lao động trong những ngày công ty ngưng hoạt động được Công ty TNHH B thỏa thuận với người lao động, việc thỏa thuận trên là phù hợp với quy định tại Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu 08 ngày lương của tháng 02/2018, số tiền cụ thể là 2.639.276 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của người lao động và căn cứ vào bảng lương do kế toán trưởng xác nhận thì bà T đi làm 08 ngày, số tiền được công ty xác nhận là 2.639.276 đồng. Về thời gian làm việc trong tháng 02/2018, tuy nguyên đơn không chứng minh được số ngày đi làm trong tháng 02/2018 nhưng lời khai của nguyên đơn phù hợp với thời gian ngưng hoạt động của công ty ngày 12/02/2018 và bảng lương do kế toán của Công ty TNHH B xác nhận nên yêu cầu này của bà T là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu tiền lương 15 ngày phép của năm 2017 là 2.268.538 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều III của hợp đồng lao động, ngoài các ngày nghỉ theo quy định thì người lao động còn được nghỉ 14 ngày phép năm, theo lời khai của người lao động và căn cứ vào bảng lương do kế toán trưởng xác nhận thì bà T chưa nghỉ phép năm của năm 2017. Bà T làm việc tại Công ty TNHH B chính thức từ năm 13/03/2012 cho đến ngày Công ty TNHH B ngưng hoạt động là tháng 2/2018, theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động đủ thời gian để hưởng 14 ngày phép. Ngoài ra, Điều 112 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: *“Cứ 05 năm làm việc cho một người sử dụng lao động thì số ngày nghỉ hằng năm của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của Bộ luật này được tăng thêm tương ứng 01 ngày”*.

Bà T chưa nghỉ phép năm 2017 nên được thanh toán bằng tiền những ngày chưa nghỉ phù hợp với quy định tại Điều 114 Bộ luật lao động năm 2012, Điều 7 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính Phủ và Khoản 3, Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ. Theo bảng xác nhận lương phép năm 2017 của Công ty TNHH B thì số tiền bà T được hưởng là 2.430.577 đồng. Do đó, yêu cầu thanh toán tiền phép năm 2017 của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu đòi tiền lương tháng 13 của năm 2017 là 4.334.798 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy rằng theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật lao động thì tiền lương tháng 13 mà nguyên đơn yêu cầu thực chất là tiền thưởng mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động hàng năm căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của người lao động. Việc thưởng lương tháng 13 cho bà T được Công ty TNHH B thỏa thuận với người lao động trong hợp đồng lao động và có kế toán xác nhận với người lao động thông qua bảng tiền thưởng năm 2017 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những căn cứ trên, cùng với ý kiến của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty B phải đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho nguyên đơn các từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 và tháng 1/2018 số tiền là 9.108.706 đồng và thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tiền lương, tiền phép năm tổng cộng là 10.957.466 đồng.

[3] Về thời hạn thanh toán: Do công ty vi phạm thời gian đóng bảo hiểm xã hội, thời gian trả lương cho người lao động nên hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải truy đóng bảo hiểm xã hội và thanh toán toàn bộ số tiền lương cho nguyên đơn làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, 217, 227, 228, 244, 266, Điều 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 22, 90, 98, 96, 103, 111, 112, 114 của Bộ luật lao động;

Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc Công ty TNHH B phải thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho bà Nguyễn Thị T từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 số tiền là 9.108.706 đồng (Chín triệu một trăm linh tám nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng).

- Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 10.957.466 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng), bao gồm: tiền lương ngừng việc 70% của tháng 10/2017 là 1.552.815 đồng, tiền lương của tháng 02/2018 (08 ngày) là 2.639.276 đồng, tiền phép của năm 2017 (15 ngày) là 2.430.577 đồng và tiền thưởng (tháng 13) của năm 2017 là 4.334.798 đồng. Thanh toán làm 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền như đã nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi như sau:

+ Đối với tiền nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì lãi suất được tính theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề;

+ Đối với nợ bảo hiểm y tế thì lãi suất được tính theo mức lãi suất thị trường liên ngân hàng;

+ Đối với tiền lương thì lãi suất được tính theo mức lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất, thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại, nơi bị đơn mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi trả sổ và chốt sổ BHXH của nguyên đơn.

3. Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm là 601.985 (sáu trăm lẻ một nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng) Công ty TNHH B phải chịu.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự được thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Phước